

Số: /KH-THPTTrHD

Đăk Hà, ngày 10 tháng 03 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 545/KH-SGDĐT ngày 28/02/2026 của sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về chuyển đổi số số ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030;

Trường THPT Trần Hưng Đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa chỉ đạo của Sở GDĐT về chuyển đổi số tại Trường THPT Trần Hưng Đạo.
- Xây dựng nhà trường theo hướng quản trị số, dạy học số, dữ liệu số, môi trường số an toàn.
- Nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong dạy học, kiểm tra đánh giá, quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ giáo dục cho phụ huynh, học sinh.

2. Yêu cầu

- Triển khai đồng bộ, có lộ trình từng năm, phân công rõ người phụ trách, rõ tiến độ, rõ kết quả.
- Nội dung phù hợp điều kiện thực tế của trường, tránh hình thức, tránh đầu tư dàn trải.
- Gắn chuyển đổi số với đổi mới quản trị, nâng cao chất lượng giáo dục, cải cách hành chính.
- Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu học sinh, giáo viên và hồ sơ nhà trường.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, Trường THPT Trần Hưng Đạo hoàn thiện mô hình quản trị số nhà trường; tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá và điều hành trên môi trường số; xây

dựng kho dữ liệu và học liệu số của trường; nâng cao năng lực số cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; bảo đảm hạ tầng số, nền tảng số và an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2026-2027

- 100% hồ sơ công việc của nhà trường được xử lý trên môi trường điện tử, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- Hoàn thiện hệ quản trị số nhà trường; các hoạt động quản lý chuyên môn, hồ sơ học sinh, hồ sơ giáo viên, sổ sách quản lý được thực hiện trên môi trường số.

- 100% giáo viên, học sinh được tham gia hiệu quả trên nền tảng dạy học trực tuyến của nhà trường.

- 100% giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực số phục vụ dạy học và quản trị.

- 100% có hệ thống mạng LAN/WiFi, internet ổn định phục vụ dạy học và quản lý.

- 100% dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ; hệ thống thông tin của nhà trường được rà soát, đánh giá an toàn thông tin theo quy định.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chữ ký số và sử dụng trong công việc ngay đầu năm 2026.

2.2. Giai đoạn 2028-2030

- 100% hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành nội bộ được thực hiện trên môi trường số.

- 100% giáo viên khai thác, sử dụng học liệu số, kho học liệu số dùng chung phục vụ Chương trình GDPT 2018.

- 100% văn bản, chứng chỉ, hồ sơ lưu trữ thuộc thẩm quyền nhà trường được số hóa theo quy định.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thường xuyên sử dụng các công cụ số, trợ lý số hoặc ứng dụng AI phù hợp để nâng cao hiệu suất công việc.

- Không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng trong nhà trường.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của nhà trường, do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, bộ phận văn phòng, thiết bị, thư viện, CNTT là thành viên.

- Ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Đưa chỉ tiêu chuyển đổi số vào kế hoạch năm học, tiêu chí thi đua của tổ chuyên môn, giáo viên và bộ phận.

- Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường hằng năm theo bộ chỉ số của sở.

2. Hoàn thiện thể chế, quy chế nội bộ

- Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ về: Quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu; sử dụng hồ sơ điện tử, chữ ký số; quản lý thiết bị, phần mềm, tài khoản số; dạy học trực tuyến, kiểm tra đánh giá trên môi trường số; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, xử lý công việc theo hướng điện tử hóa trong suốt giai đoạn thực hiện chuyển đổi số.

3. Phát triển hạ tầng số

- Rà soát hiện trạng phòng máy, máy tính văn phòng, máy chiếu, bảng tương tác, camera, hệ thống mạng LAN/WiFi, đường truyền internet.

- Xây dựng lộ trình đầu tư, nâng cấp: Phòng Tin học đạt chuẩn; hạ tầng mạng phủ toàn trường; máy tính cho bộ phận quản lý, văn phòng, thư viện, đoàn thể; thiết bị dạy học số cho các tổ chuyên môn.

- Bảo đảm các hệ thống phần mềm của nhà trường hoạt động ổn định, có sao lưu dữ liệu, có phương án phục hồi khi có sự cố.

4. Phát triển nhân lực số

- Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về kỹ năng số cơ bản; sử dụng hệ thống quản trị trường học; khai thác học liệu số; kiểm tra đánh giá trên môi trường số; an toàn thông tin; Kỹ năng ứng dụng AI trong quản lý và dạy học; kỹ năng nhận dạng và phòng chống nguy cơ mất an toàn thông tin.

- Mỗi tổ chuyên môn xây dựng ít nhất 01 mô hình hoặc chuyên đề ứng dụng chuyển đổi số/năm.

- Phát động phong trào “Bình dân học vụ số” trong cán bộ, giáo viên, học sinh.

5. Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu nhà trường gồm: Dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên; dữ liệu học sinh; dữ liệu cơ sở vật chất, thiết bị; dữ liệu kết quả học tập, rèn luyện; dữ liệu văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ lưu trữ.

- Số hóa toàn bộ hồ sơ nhà trường bảo đảm dữ liệu chính xác, đầy đủ, thống nhất, không sai sót và được cập nhật liên tục; Đảm bảo dữ liệu "đúng - đủ - sạch - sống".

- Đồng bộ dữ liệu với các hệ thống của Sở GDĐT và các nền tảng dùng chung của ngành.

6. Tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá trên môi trường số

- Sử dụng thống nhất nền tảng quản lý dạy học, sổ điểm, học bạ số, thời khóa biểu, báo giảng, hồ sơ chuyên môn theo hướng số hóa.

- Xây dựng kho học liệu số của trường theo từng môn học, gồm giáo án điện tử, video bài giảng, đề kiểm tra, ngân hàng câu hỏi, tài liệu tham khảo.

- Khuyến khích giáo viên ứng dụng AI, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, bài giảng tương tác trong giảng dạy.

- Từng bước triển khai kiểm tra, đánh giá phù hợp trên môi trường số theo quy định.

- Đẩy mạnh liên lạc điện tử với phụ huynh, thông tin hai chiều qua các nền tảng số.

7. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- rà soát tài khoản, phân quyền người dùng, đổi mật khẩu định kỳ.

- Xây dựng quy trình sao lưu dữ liệu hằng tuần/tháng đối với các dữ liệu quan trọng.

- Tập huấn nhận diện lừa đảo số, mã độc, mất an toàn thông tin cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn để đánh giá, phân loại, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với hệ thống của nhà trường khi thuộc diện phải thực hiện.

8. Truyền thông, nâng cao nhận thức

- Duy trì chuyên mục/chuyên trang chuyển đổi số trên website, fanpage hoặc cổng thông tin điện tử của nhà trường.

- Tuyên truyền đến phụ huynh, học sinh về kỹ năng số, an toàn số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục.

- Biểu dương, nhân rộng các mô hình, sáng kiến hay về chuyển đổi số trong nhà trường.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm 2026

- KIỆN TOÀN BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ.

- Khảo sát thực trạng hạ tầng, thiết bị, phần mềm, nhân lực số.
- Ban hành kế hoạch tổng thể và quy chế nội bộ.
- Tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất.
- Thí điểm kho học liệu số ở một số tổ chuyên môn.

2. Năm 2027

- Hoàn thiện nền tảng quản trị số nhà trường.
- Mở rộng dạy học số, học liệu số đến tất cả tổ chuyên môn.
- Triển khai mạnh hồ sơ điện tử, văn bản điện tử, chữ ký số.
- Hoàn thành các chỉ tiêu giai đoạn 2026-2027 theo kế hoạch của ngành.

3. Giai đoạn 2028-2030

- Nâng cấp đồng bộ hạ tầng số, thiết bị số và mức độ an toàn hệ thống.
- Hoàn thiện kho học liệu số, học bạ số, dữ liệu số và kết nối liên thông.
- Đẩy mạnh ứng dụng AI trong quản lý, hỗ trợ dạy học, thống kê, phân tích kết quả học tập.
- Hoàn thành các chỉ tiêu giai đoạn 2028-2030 của ngành.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ: Ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị theo phân cấp, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

VII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Chỉ đạo chung, chịu trách nhiệm trước cấp trên về kết quả thực hiện kế hoạch.
- Phê duyệt lộ trình, phân công nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá định kỳ.

2. Các Phó Hiệu trưởng

- Trực tiếp phụ trách các mảng: Chuyên môn, cơ sở vật chất, dữ liệu, kiểm tra đánh giá, học sinh, hành chính.

- Theo dõi tiến độ theo lĩnh vực được phân công.

3. Tổ CNTT/Bộ phận phụ trách chuyển đổi số

- Tham mưu triển khai các nền tảng số, hạ tầng mạng, bảo mật, hỗ trợ kỹ thuật.
- Quản trị tài khoản, sao lưu dữ liệu, hỗ trợ tập huấn.

4. Tổ chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của tổ.
- Phát triển học liệu số, đề kiểm tra số, chuyên đề dạy học số.

5. Giáo viên, nhân viên

- Chủ động học tập, sử dụng các nền tảng số, chữ ký số, hồ sơ điện tử.
- Tham gia xây dựng và khai thác học liệu số.

6. Đoàn trường, giáo viên chủ nhiệm

- Tuyên truyền kỹ năng số, an toàn số cho học sinh.
- Phối hợp với phụ huynh trong sử dụng các kênh số của nhà trường.

VIII. CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO

- Hằng năm, nhà trường tổ chức tự đánh giá kết quả chuyển đổi số, đối chiếu các chỉ tiêu đã đề ra.
- Báo cáo sơ kết, tổng kết và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở GDĐT.
- Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với đánh giá thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2026 - 2030 của trường THPT Trần Hưng Đạo./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Xuân Kiên

PHỤ LỤC
Bảng chỉ tiêu chuyển đổi số của trường THPT Trần Hưng Đạo
giai đoạn 2026-2030

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mốc 2026-2027	Mốc 2028-2030	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tập huấn kỹ năng số ít nhất 01 lần/năm	%	100	100	
2	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng phần mềm quản trị, hồ sơ điện tử trong công việc hằng ngày	%	100	100	
3	Hồ sơ công việc nội bộ xử lý trên môi trường điện tử	%	100	100	
4	Văn bản đi, đến của trường được xử lý trên hệ thống điện tử	%	100	100	
5	Cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng chữ ký số	%	100	100	
6	Tổ chuyên môn có kế hoạch/chuyên đề ứng dụng chuyển đổi số hằng năm	% tổ	100	100	
7	Giáo viên sử dụng học liệu số hoặc nền tảng số trong dạy học	%	100	100	
8	Giáo viên có ít nhất 01 bài giảng số hoặc học liệu số/năm học	%	100	100	